ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẾN THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1493 /QĐ-UBND	*Bến Thành, ngày 01 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 2 năm 2026 (06 tháng năm 2026)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẾN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành về dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Bến Thành năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Phiếu trình số 1401/PTr-KTHTĐT ngày 01 tháng 7 năm 2026 về công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 2 năm 2026 (06 tháng năm 2026),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 2 năm 2026 (06 tháng năm 2026) (đính kèm các biểu công khai và thuyết minh).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đảng ủy phường;
- Hội đồng nhân dân phường;
- Ủy ban MTTQVN phường;
- UBND phường: CT, các PCT;
- Lưu: VT, (KTHTĐT, TT 5b).

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG BẾN THÀNH T.P HỒ CHÍ MINH

Mai Thị Hồng Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Mẫu biểu số 54

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 2 NĂM 2026
(06 THÁNG NĂM 2026)

(Đính kèm Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 6 tháng so (%)	
			Quý 2/2026	Lũy kế 06 tháng năm 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**3.500,000**	**1.054,153**	**1.919,028**	**54,83%**	
I	Thu nội địa	3.500,000	1.054,153	1.919,028	54,83%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**484,143**	**167,868**	**279,439**	**57,72%**	-
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**38,100**	**9,838**	**18,100**	**47,51%**	-
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	8,700	5,175	8,500	97,70%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	29,400	4,663	9,600	32,65%	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**446,043**	**139,298**	**242,607**	**54,39%**	-
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	334,744	20,000	120,000	35,85%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	111,299	119,298	122,607	110,16%	
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**			-		
IV	**Thu kết dư**			-		
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**18,732**	**18,732**		
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**484,143**	**143,126**	**202,363**	**41,80%**	-
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**471,126**	**139,652**	**195,625**	**41,52%**	-
1	Chi đầu tư phát triển	0,350	0,350	0,350	100,00%	
2	Chi thường xuyên	457,028	139,302	195,275	42,73%	
3	Chi cho vay			-		
4	Chi viện trợ			-		
5	Chi trả nợ lãi			-		
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-		
7	Dự phòng NSNN	13,748		-		
8	Các nhiệm vụ chi khác			-		
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**	**13,017**	**3,474**	**6,738**	**51,76%**	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**			-		

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Mẫu biểu số 55

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ 2 NĂM 2026
(06 THÁNG NĂM 2026)

(Đính kèm Quyết định số 1913 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 02 Quý so (%)	
			Quý 02/2026	Lũy kế 06 tháng năm 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**3.500,000**	**1.054,153**	**1.919,028**	**54,83%**	-
I	**Thu nội địa**	**3.500,000**	**1.054,153**	**1.919,028**	**54,83%**	-
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	100,000	15,711	38,759	38,76%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	250,000	112,028	152,039	60,82%	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.143,000	801,825	1.345,457	62,78%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	856,000	91,710	323,599	37,80%	
5	Thuế bảo vệ môi trường			-		
6	Các loại phí, lệ phí	128,000	22,556	41,106	32,11%	
	Trđó: Lệ phí trước bạ	105,000	19,468	36,530	34,79%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	11,000	2,908	6,228	56,62%	-
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*					
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	8,000	2,863	5,058	63,23%	
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*					
-	*Thu tiền sử dụng đất*	3,000	0,045	1,170	39,00%	
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	-		-		-
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*					
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuậu sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	12,000	7,415	11,840	98,67%	
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	-	-	-		-
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	**Thu viện trợ**					
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**	-	-	-	-	-
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**38,100**	**9,838**	**18,100**	**47,51%**	-
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP	29,400	4,663	9,600	32,65%	
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	8,700	5,175	8,500	97,70%	

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Mẫu biểu số 56.1

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2 NĂM 2026
(06 THÁNG NĂM 2026)

(Đính kèm Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 02 Quý so (%)	
			Quý 2/2026	Lũy kế 06 tháng năm 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**484,143**	**143,126**	**202,363**	**41,80%**	-
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**471,126**	**139,652**	**195,625**	**41,52%**	-
I	**Chi đầu tư phát triển**	**0,350**	**0,350**	**0,350**	**100,00%**	-
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	0,350	0,350	0,350	100,00%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			-		
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**	**457,028**	**139,302**	**195,275**	**42,73%**	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	261,111	79,393	107,955	41,34%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		1,544	2,035		
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**13,748**				
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**	**13,017**	**3,474**	**6,738**	**51,76%**	-
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	13,017	3,474	6,738	51,76%	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ƯỚC QUÝ 2 NĂM 2026 (06 THÁNG NĂM 2026)

(Đính kèm Quyết định số 1193 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

I. Tình hình thực hiện thu, chi 06 tháng đầu năm 2026

1. Về thu ngân sách nhà nước: Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2026: 1.919,028 tỷ đồng, đạt 54,83% so với dự toán Thành phố giao (1.919,028 tỷ đồng/ 3.500 tỷ đồng).

- Thu khu vực kinh tế nhà nước và đầu tư nước ngoài: 190,798 tỷ đồng, đạt 54,51% so với dự toán giao (190,798 tỷ đồng/350,000 tỷ đồng). Trong đó:

+ Thu từ khu vực kinh tế nhà nước: 38,759 tỷ đồng, đạt 38,76% so với dự toán (38,759 tỷ đồng/100,000 tỷ đồng).

+ Thu từ khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài: 152,039 tỷ đồng, đạt 60,82% so với dự toán (152,039 tỷ đồng/250,000 tỷ đồng).

- Thu khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 1.345,457 tỷ đồng, đạt 37,8% so với dự toán giao (1.345,457 tỷ đồng/2.143,000 tỷ đồng).

- Thuế thu nhập cá nhân: 323,599 tỷ đồng, đạt 37,8% so với dự toán giao (323,599 tỷ đồng/856,000 tỷ đồng).

- Tiền sử dụng đất: 1,170 tỷ đồng, đạt 39% so với dự toán (1,170 tỷ đồng/3,000 tỷ đồng).

- Lệ phí trước bạ: 36,530 tỷ đồng, đạt 34,79% so với dự toán (36,530 tỷ đồng/105,000 tỷ đồng). *Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất 13,714 tỷ đồng*

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 5,058 tỷ đồng, đạt 63,23% so với dự toán giao (5,058 tỷ đồng/8,000 tỷ đồng).

- Thu phí, lệ phí: 4,576 tỷ đồng, đạt 19,9% so với dự toán (4,576 tỷ đồng/23,000 tỷ đồng).

- Thu khác ngân sách: 11,840 tỷ đồng, đạt 98,67% so với dự toán (11,840 tỷ đồng/ 12,000 tỷ đồng).

2. Về thu ngân sách phường: Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2026 là 279,439 tỷ đồng, đạt 57,72% so với dự toán giao (279,439 tỷ đồng/484,143 tỷ đồng).

2.1. Tổng thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp: 18,100 tỷ đồng, đạt 47,51% so với dự toán (18,100 tỷ đồng/38,100 tỷ đồng). Trong đó:

- Lệ phí trước bạ: 9,600 tỷ đồng, đạt 32,65% so với dự toán (9,600 tỷ đồng/29,400 tỷ đồng).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

5,058 tỷ đồng, đạt 63,23% so với dự toán (5,058 tỷ đồng/8,000 tỷ đồng).

3.2.6. Chi Văn hóa thông tin: 0,392 tỷ đồng, đạt 46,12% so với dự toán (0,349 tỷ đồng/0,85 tỷ đồng). Trong 06 tháng đầu năm, phường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, trang trí trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 trên địa bàn phường Bến Thành; tuyên truyền cổ động trực quan kỷ niệm 50 năm Ngày Thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh (02/7/1976-02/7/2026); sơ kết 01 năm Ngày thành lập phường Bến Thành (01/7/2025-01/7/2026) trên địa bàn phường Bến Thành; tổ chức Lễ ra mắt sản phẩm du lịch đặc trưng phường Bến Thành; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động Quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình và kỷ niệm 25 năm ngày Gia đình Việt Nam (28/6/2001 - 28/6/2026); tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm Ngày Quốc tế Hạnh phúc và các hoạt động văn hóa khác.

3.2.7. Chi thể dục, thể thao: 0 tỷ đồng.

3.2.8. Chi bảo vệ môi trường: 0,082 tỷ đồng, đạt 11,42% so với dự toán (0,082 tỷ đồng/0,718 tỷ đồng). Trong 06 tháng đầu năm, phường thực hiện Lễ phát động "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ"; tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng cây xanh thực hiện Chương trình "Trồng 1000 cây xanh" trên địa bàn phường Bến Thành năm 2026; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường và Ngày Môi trường thế giới năm 2026 trên địa bàn phường.

3.2.9. Chi các hoạt động kinh tế: 1,007 tỷ đồng, đạt 52,69% so với dự toán (1,007 tỷ đồng/1,911 tỷ đồng). Trong 06 tháng đầu năm, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Bến Thành thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND theo kết quả đánh giá thực tế và thực hiện kiểm định 20 Chung cư cũ trên địa bàn phường Bến Thành.

3.2.10. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 33,992 tỷ đồng, đạt 39,67% so với dự toán (33,992 tỷ đồng/85,69 tỷ đồng). Trong 06 tháng đầu năm, phường thực hiện chi công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 với tổng số tiền 2,922 tỷ đồng; Văn phòng Đảng ủy phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thực hiện chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp, các hoạt động, mua sắm, sửa chữa và chi các chế độ, chính sách theo thực tế phát sinh và chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND theo kết quả đánh giá thực tế.

3.2.11. Chi bảo đảm xã hội: 28,034 tỷ đồng, đạt 53,91% so với dự toán (28,034 tỷ đồng/52,006 tỷ đồng).Trong đó, chi các chế độ, chính sách từ nguồn Trung ương là 6,738 tỷ đồng, đạt 51,76% so với dự toán (6,738 tỷ đồng/ 13,017 tỷ đồng). Trong 06 tháng đầu năm 2026, phường thực hiện chi test ma túy về đấu tranh phòng chống tội phạm; hỗ trợ công tác đấu tranh phòng chống ma túy, mua bán người, làm hồ sơ cai; chi các chế độ, chính sách từ nguồn Trung ương; các chế độ, chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác từ nguồn ngân sách Thành phố theo thực tế.

3.2.12. Chi khác: 0 đồng.

3.2.4. Chi khoa học và Công nghệ: 38.000.000 đồng (Kinh phí thẩm định giá thực hiện trang bị hạ tầng công nghệ thông tin).

3.2.5. Chi y tế, dân số và gia đình: 4.665.903.070 đồng, đạt 45,74% so với dự toán (4.665.903.070 đồng/10.202.000.000 đồng), giảm 5.536.096.930 đồng. Một số khoản tăng/giảm trong năm như:

- Tăng: 38.918.520 đồng kinh phí thực hiện chi chế độ, chính sách cho Cộng tác viên dân số theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của HĐND Thành phố.

- Giảm 5.536.096.930 đồng: Do phường thực hiện chi hỗ trợ Phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi theo Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024, thực hiện hỗ trợ cho cộng tác viên sức khỏe cộng đồng, tổ chức chúc thọ, mừng thọ; kinh phí chương trình mục tiêu y tế, dân số; … theo thực tế phát sinh. Thanh toán mua thẻ BHYT cho các đối tượng (theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND; người có công cách mạng; BHYT cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; cho trẻ em dưới 6 tuổi; bảo trợ xã hội; học sinh không thuộc diện nghèo, lực lượng an ninh cơ sở) giảm do giảm đối tượng.

3.2.6. Chi Văn hóa thông tin: 197.195.966 đồng, đạt 16,08% so với dự toán (197.195.966 đồng/1.226.000.000 đồng), giảm 1.028.804.034 đồng. Do trong năm, các hoạt động văn hóa, tuyên truyền phường chi theo thực tế.

3.2.7. Chi thể dục, thể thao: 86.500.000 đồng, đạt 74,57% so với dự toán (86.500.000 đồng/116.000.000 đồng), giảm 29.500.000 đồng. Trong năm, phường tổ chức Đại hội Thể dục Thể thao liên phường.

3.2.8. Chi bảo vệ môi trường: 51.288.360 đồng, đạt 4,06% so với dự toán (51.288.360 đồng/1.264.000.000 đồng), giảm 1.212.711.640 đồng do tiết kiệm trong công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, công tác bảo vệ môi trường. Trong năm, phường thực hiện chi chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn, chi truyền thông về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, chương trình tuần thu gom chất thải nguy hại hộ gia đình.

3.2.9. Chi các hoạt động kinh tế: 410.927.418 đồng, đạt 31,13% so với dự toán (410.927.418 đồng/1.320.000.000 đồng), giảm 909.072.582 đồng. Trong năm, kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông nộp hoàn trả về ngân sách Thành phố 382.000.000 đồng. Kinh phí nguồn cải cách tiền lương không sử dụng, hủy dự toán 526.072.582 đồng. Thực hiện tiếp nhận quyết toán kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 27/2024/NQ-HĐND trong 06 tháng năm 2025 của Ban quản lý chợ Thái Bình (trước sắp xếp) số tiền 410.927.418 đồng.